jiān zhà

奸诈

Adjective · Crafty / cunning

Example Sentences

nà ge rén hěn jiān zhà zǒng shì piàn rén
那个人很奸诈，总是骗人。

That person is very cunning and always deceives others.

tā yòng jiān zhà de shǒu duàn yíng dé le bǐ sài ràng duì shǒu hěn shēng qì
他用奸诈的手段赢得了比赛，让对手很生气。

He won the match using cunning tactics, which made his opponent very angry.

zhè fèn hé tong tiáo kuǎn rú cǐ jiān zhà xiǎn rán shì wèi guī bì fǎ lǜ zé rèn ér shè
这份合同条款如此奸诈，显然是为规避法律责任而设。

The terms of this contract are so crafty, clearly designed to evade legal liability.
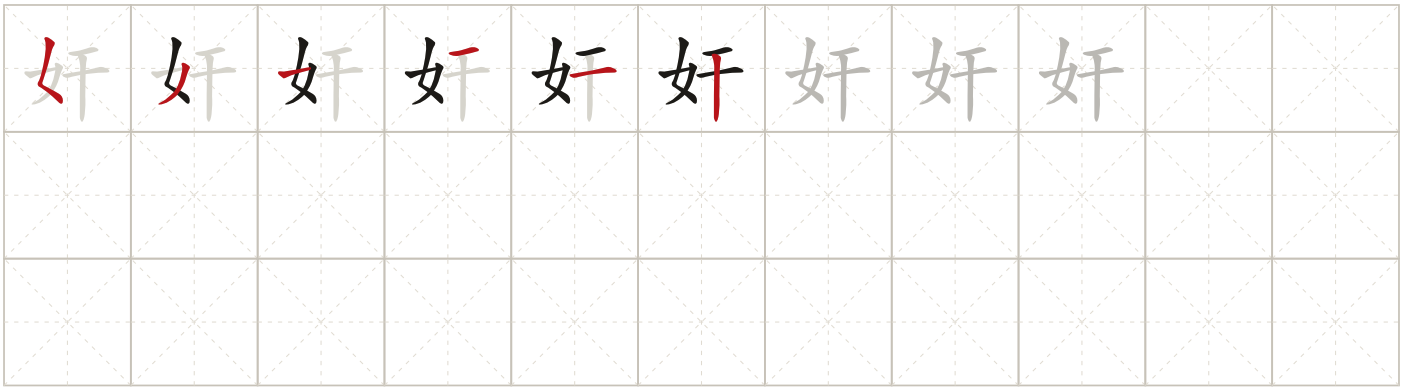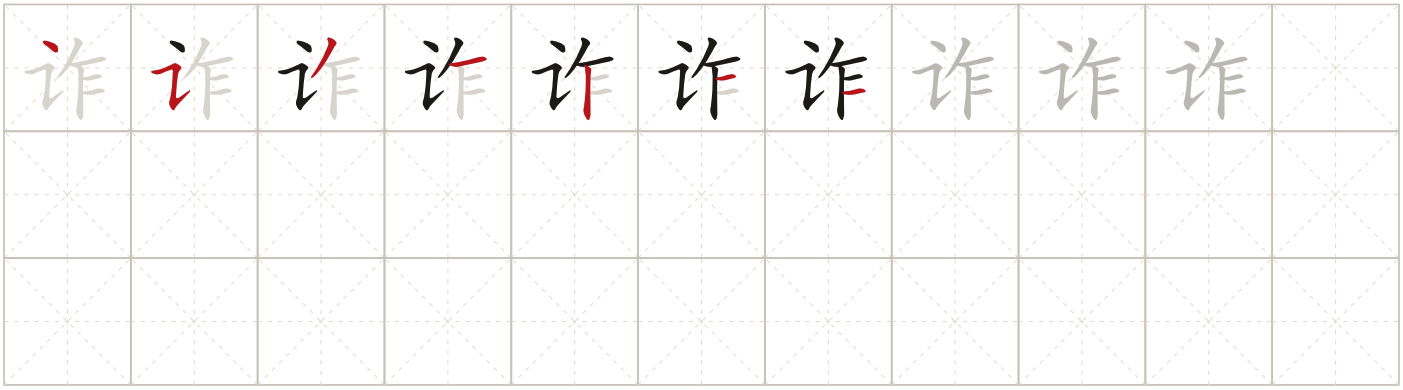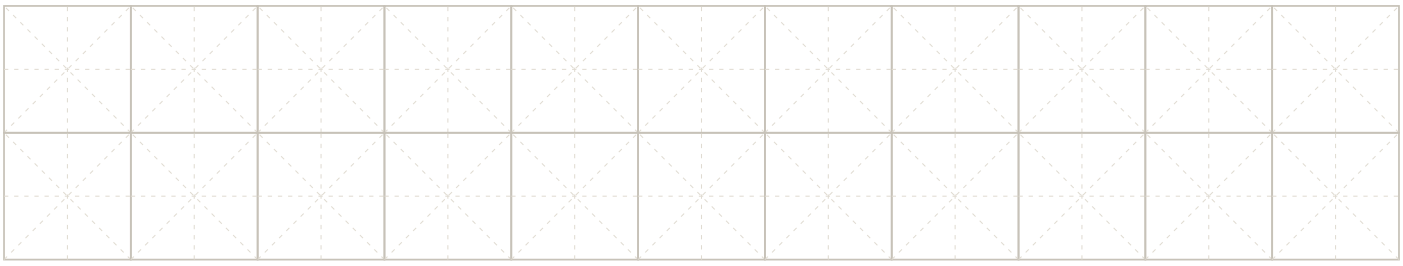
Trace each character, then write the word on your own.